

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HSST
Ngày 22/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Lê Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Đào Thị Trà Giang - Kiểm sát viên

Ngày 22/7/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn S**, sinh ngày 28/01/1995; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Nơi sinh và nơi cư trú: thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Không xác định được; Con bà: Vũ Thị T, sinh năm 1955

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ tháng 2/2013 đến tháng 7/2014 tham gia quân đội nhân dân Việt Nam. Ngày 11/3/2016 bị Công an huyện Đông Hưng xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.000.000 đồng về hành vi làm hư hỏng tài sản của người khác, đã nộp tiền phạt ngày 14/3/2016.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1962

- Ông Vũ Mậu D, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Vũ Thị T, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T

*** Người làm chứng:**

- Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh T

- Chị Ngô Thị V, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T

(Tại phiên tòa có mặt bà T. Vắng mặt ông D, bà M, chị Th, chị V)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 07/4/2020, Vũ Văn S đi bộ đến nhà ông Vũ Mậu D gặp ông D và bà Trần Thị M là vợ ông D đang ở nhà. S ngồi chơi ăn trà tại phòng khách cùng ông D và bà M. Ngồi chơi khoảng 15 phút thì ông D đứng dậy ra ngoài để đi phun thuốc sâu, còn bà M vẫn ngồi ở phòng khách cùng với S. Khoảng 10 phút sau do nghe thấy tiếng đồ vỡ ngoài cổng nên bà M đứng dậy đi ra ngoài cổng, chỉ còn lại một mình S ngồi ở phòng khách. Lúc này, do muốn ăn thêm trà nên S đi vào phòng ngủ nhà ông D tìm, khi bước vào trong phòng ngủ thấy trong phòng có kê một giường ngủ gỗ và một tủ tôn hai cánh không khóa nên S nảy S ý định lục tìm tài sản để trộm cắp. S đi đến chỗ tủ tôn, dùng tay phải kéo cánh tủ bên phải mở ra khoảng 15cm thì không mở được nữa do cánh tủ vướng vào các đồ vật để dưới nền nhà. S nhìn vào bên trong tủ thấy dưới sàn tủ có 01 chiếc ví vải màu đen kích thước (17 x 11)cm, miệng ví hở một đoạn, S cầm ví lên thì thấy trong ví có tiền nên dùng tay phải lấy hết số tiền trong ví ra bỏ vào túi quần hậu bên phải đang mặc, để ví vào chỗ cũ và đóng cánh tủ lại. S tiếp tục đi đến đầu giường lật ga giường lên thì thấy có 01 chiếc ví bằng vải màu tím kích thước (15 x 10)cm, cầm ví lên kiểm tra thì thấy bên trong ví có tiền, S lấy hết những đồng tiền polime bỏ vào túi quần hậu bên phải đang mặc còn để lại những đồng tiền giấy rồi để ví lại chỗ cũ, trải lại ga giường sau đó ra phòng khách ngồi. Ra đến phòng khách S quan sát thấy bà M vẫn đang ở ngoài cổng nên S đi đến gần chiếc tủ ti vi bằng gỗ ép kê ở phòng khách, dùng tay phải gạt cánh tủ bên phải ra làm gãy vỡ khóa tủ, S nhìn vào trong tủ thấy tủ treo quần áo, dưới sàn tủ có 01 túi nilon màu trắng. S mở túi ra thấy bên trong có 01 sổ khám bệnh và 01 sổ bảo hiểm y tế, S không mở sổ kiểm tra mà buộc luôn lại để vào vị trí cũ, đóng cửa tủ lại rồi về. Ra đến cổng gặp bà M S chào bà M rồi đi bộ về nhà, về đến nhà S bỏ tiền trộm cắp được ra kiểm đếm

được 2.570.000 đồng, gồm 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 05 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; trong túi quần S có 200.000 đồng là tiền của S, tổng là 2.770.000 đồng. Sau khi trộm cắp tiền nhà bà M, S đi đến Bưu điện xã Đ mua 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) thẻ điện thoại di động của chị Ngô Thị V. Sau đó, S đi xe mô tô đến quán Karaoke “Thanh L” ở xã A, huyện Q, tỉnh T gặp chị Bùi Thị Th là nhân viên của quán. Do S và chị Th có quan hệ tình cảm với nhau nên S đã cho chị Th 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và đưa chị Th 140.000 đồng (Một trăm bốn mươi nghìn đồng) để trả tiền thuốc nước tại quán. Khoảng 17 giờ cùng ngày S đi về nhà, trên đường về S đổ xăng hết 45.000 đồng (Bốn mươi năm nghìn đồng) và ăn phở, uống nước hết 85.000 đồng (Tám mươi năm nghìn đồng) là vừa hết 2.770.000 đồng S mang đi. Còn bà M, sau khi S chào về thì bà khóa cửa sang nhà hàng xóm chơi, đến khoảng 16 giờ cùng ngày bà về thì phát hiện bị mất 2.500.000 đồng gồm 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 05 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng để trong chiếc ví màu đen cất trong tủ bằng tôn kê trong phòng ngủ và 70.000 đồng gồm 03 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng trong chiếc ví màu tím để ở dưới ga trải giường trong phòng ngủ. Do khẳng định S lấy trộm tiền nên bà M đã gặp bà Vũ Thị T là mẹ đẻ của S nói rõ sự việc và yêu cầu S phải trả lại bà. Sáng ngày 08/4/2020 S đến Ủy ban nhân dân xã Đ đầu thú, khai báo hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 49/KSĐT ngày 14/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Vũ Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Vũ Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Bà Vũ Thị T là mẹ đẻ của bị cáo khai đã bồi thường xong cho gia đình bà Trần Thị M 2.570.000 đồng. Bà T không yêu cầu bị cáo S phải hoàn trả số tiền trên.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Vũ Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; đề nghị xử phạt bị cáo S từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định.

Ngoài ra còn đề nghị về án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Văn S nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Văn S phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa như:

- Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú;
- Biên bản làm việc;
- Lời khai của bị hại là bà Trần Thị M và ông Vũ Mậu D;
- Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng chị Bùi Thị Th, chị Ngô Thị V;
- Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T.

Có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng gần 14 giờ ngày 07/4/2020, Vũ Văn S, có hành vi lén lút trộm cắp 2.570.000 đồng (Hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) của gia đình ông Vũ Mậu D và bà Trần Thị M. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, làm cho chủ sở hữu tài sản không yên tâm trong việc quản lý tài sản của mình, bị cáo muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng không chịu lao động nên đã phạm tội. Vì vậy, việc xét xử bị cáo bằng

pháp luật hình sự là cần thiết để giáo dục bị cáo và có tác dụng trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; về tình tiết giảm nhẹ bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo đã tác động để gia đình bị cáo bồi thường xong cho gia đình bị hại, sau khi phạm tội bị cáo đến Ủy ban nhân dân xã Đô Lương đầu thú, bị cáo có thời gian tham gia quân đội nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy không cần cách ly bị cáo có thể cho bị cáo hưởng án treo như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đề nghị là phù hợp. Nhưng cần tuyên mức án cao hơn Viện kiểm sát đề nghị mới phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Vũ Thị T là mẹ đẻ của bị cáo đã bồi thường xong cho gia đình bà Trần Thị M 2.570.000 đồng. Bà T không yêu cầu bị cáo S phải hoàn trả số tiền trên. Gia đình bà M không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào, không đề nghị giải quyết về dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng: Khám nghiệm hiện trường thu giữ 01 mảnh kim loại kích thước (5x2x2)cm; Bà Trần Thị M giao nộp 01 chiếc ví vải màu đen kích thước (17 x 11)cm và 01 chiếc ví vải màu tím kích thước (15 x 10)cm. Ông D, bà M xác định không còn giá trị sử dụng nên không xin lại, vì vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Trong vụ án này còn có:

Ngoài việc bị mất 2.570.000 đồng nêu trên, ông Vũ Mậu D khai: ông còn bị mất 500.000 đồng là của ông, ông kẹp trong quyển sổ khám bệnh để ở tủ ti vi trong phòng khách, việc ông để tiền trong quyển sổ chỉ có một mình ông biết. Quá trình điều tra, S khai không mở sổ ra kiểm tra, không lấy được số tiền này, những người trong gia đình ông D không ai biết ông D có tiền để ở đây, ngoài lời khai của ông D không có chứng cứ nào khác chứng minh nên không đủ căn cứ buộc bị cáo S đã trộm cắp số tiền này. Bà Vũ Thị T là mẹ S sau khi nghe gia đình ông D nói về việc S lấy trộm số tiền trên và bà cũng biết S không thừa nhận đã lấy trộm nhưng bà T vẫn tự nguyện bồi thường cho ông D và bà M 500.000 đồng này và bà không yêu cầu ông D và bà M phải trả lại nên không nên không đặt ra giải quyết.

Đối với chị Bùi Thị Th là người được S cho 2.000.000 đồng nhưng chị Th

không biết số tiền đó do S phạm tội mà có nên không xử lý.

Đối với chị Ngô Thị V là người bán thẻ điện thoại cho S nhưng chị V không biết nguồn gốc số tiền dùng để mua thẻ điện thoại là do S phạm tội mà có nên không xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng:

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn S 01(một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/7/2020.

Giao bị cáo Vũ Văn S cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 mảnh kim loại kích thước (5x2x2)cm; 01 chiếc ví vải màu đen kích thước (17 x 11)cm và 01 chiếc ví vải màu tím kích thước (15 x 10)cm.

(Thể hiện chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/6/2020 giữa Công an huyện Đông Hưng và Chi cục THADS huyện Đông Hưng)

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Văn S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án. Vắng mặt ông D, bà M báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- THADS huyện Đông Hưng;
- Công an huyện Đông Hưng;
- UBND xã Đ;
- Bị cáo, bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương